ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC – VACT 2026

ĐỀ THAM KHẢO – SỐ 1 – PHẦN TIẾNG VIỆT
(ĐỀ BÀI)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI

Đề thi ĐGNL ĐHQG-HCM được thực hiện bằng hình thức thi trực tiếp, trên giấy. Thời gian làm bài 150 phút. Đề thi gồm 120 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn. Trong đó:

+ Phần 1: Sử dụng ngôn ngữ:

➢ Tiếng Việt: 30 câu hỏi;

➢ Tiếng Anh: 30 câu hỏi.

+ Phần 2: Toán học: 30 câu hỏi.

+ Phần 3: Tư duy khoa học:

➢ Logic, phân tích số liệu: 12 câu hỏi;

➢ Suy luận khoa học: 18 câu hỏi.

Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan có 04 lựa chọn (A, B, C, D). Thí sinh lựa chọn 01 phương án đúng duy nhất cho mỗi câu hỏi trong đề thi.

CẤU TRÚC ĐỀ THI

Nội dung	**Số câu**	**Thứ tự câu**
Phần 1: Sử dụng ngôn ngữ	**60**	**1 – 60**
1.1 Tiếng Việt	30	1 – 30

PHẦN 1: SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

1.1: TIẾNG VIỆT

1. C	2. B	3. A	4. C	5. A	6. C	7. C	8. D	9. D	10. B
11. C	12. B	13. C	14. C	15. A	16. C	17. C	18. C	19. D	20. B
21. A	22. C	23. C	24. D	25. D	26. B	27. A	28. B	29. A	30. B

PHẦN 1: SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

1.1: TIẾNG VIỆT

Câu 1: Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

"Ung thư là một nhóm lớn các bệnh được đặc trưng bởi sự tăng sinh không kiểm soát được của một số loại vật thể lạ trong cơ thể, tạo thành các khối u chèn ép cơ quan trong cơ thể."

A. đặc trưng. **B.** không kiểm soát **C.** vật thể lạ **D.** cơ quan

Câu 2: Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

"Khi môi trường khan hiếm thức ăn, những con hươu có chân cao hơn, cổ dài hơn thì có ưu thế hơn trong quá trình đấu tranh để sống sót, những con hươu kém thích nghi sẽ bị chọn lọc tự nhiên đào thải."

A. ưu thế **B.** sống sót **C.** thích nghi **D.** đào thải

Câu 3: Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

"Ở tuổi 18 đầy mộng mị, các cô nữ sinh luôn ước ao vươn tới những chân trời tươi đẹp."

A. mộng mị **B.** nữ sinh **C.** vươn tới **D.** tươi đẹp

Câu 4: Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

"Nhìn thấy người con trai mà mình mong chờ gặp mặt bấy lâu nay xuất hiện ở phía cuối nhà ga, trong lòng cô thổ lộ niềm vui sướng."

A. Nhìn thấy **B.** bấy lâu nay **C.** thổ lộ **D.** niềm vui sướng

Câu 5: Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/phong cách:

"Khác với *Dế mèn phiêu lưu kí*, truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* là một tác phẩm đã đem lại nhiều tiếng vang lớn cho nhà văn Tô Hoài."

A. Khác với **B.** truyện ngắn **C.** đem lại **D.** tiếng vang lớn

Câu 6: Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. mát mặt **B.** mát dạ **C.** mát lạnh **D.** mát lòng

Câu 7: Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại

A. thiếu niên **B.** nhi đồng **C.** người già **D.** thanh niên

Câu 8: Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. trọng điểm **B.** trọng yếu **C.** trọng tâm **D.** trọng vọng

Câu 9: Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

"Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu sự ..... của giai cấp công nhân và của …… cách mạng theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa."

(Nguyễn Quang Ngọc, *Tiến trình lịch sử Việt Nam*)

A. thắng thế phong trào **B.** thắng lợi/trào lưu

C. lớn mạnh/trào lưu **D.** trưởng thành/phong trào

Câu 10: Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

"Ở các đồng bằng, phần lớn là đất cát pha, thuận lợi ..... việc phát triển cây công nghiệp hàng năm (lạc, mía, thuốc lá...)..... không thật thuận lợi cho cây lúa."

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

A. đối với và B. cho/nhưng **C.** với và **D.** cho/và

Câu 11: Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Ngôn ngữ là ..... là..... của văn học.

A. phương thức/chất liệu **C.** phương tiện/chất liệu

B. phương tiện/vật liệu **D.** cách thức/vật chất

Câu 12: Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Việc kí duyệt sai nguyên tắc của giám đốc công ti đã gây ..... đến hàng tỉ đồng.

A. thiệt thòi **B.** thất thoát **C.** thất thu **D.** thiệt hại

Câu 13: Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Trong *Giăng sáng, Đời thừa, Những truyện không muốn viết* và tiểu thuyết *Sống mòn*, Nam Cao đã miêu tả sâu sắc ..... của người trí thức nghèo trong xã hội cũ, những "giáo khổ trường tư", những nhà văn nghèo, những viên chức nhỏ, qua đó, đặt ra những vấn đề có tầm triết luận sâu sắc, có ý nghĩa to lớn.

A. nội tâm **C.** tấn bi kịch tinh thần

B. đời sống **D.** cuộc đời

Câu 14: "Ẩn dụ tượng trưng là sự kết hợp của một khái niệm trừu tượng với một khái niệm về cảm giác. Ví dụ: Nỗi buồn dìu dịu, Những ý nghĩ đắng cay, Cỏ cây một màu khổ não, Xanh ve mãi lên một niềm hoài vọng, Màu đỏ giận dữ (Nguyễn Tuân)

Ở đây, sự kết hợp của các từ ngữ: buồn với dìu dịu, ý nghĩa với đắng cay không phải được thực hiện trên cơ sở tính đồng loại của hai khái niệm, bởi vì một khái niệm thì trừu tượng, một khái niệm thì cụ thể".

(Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2008)

Xét về đặc điểm từ ngữ, đoạn trích trên chủ yếu sử dụng loại từ nào để truyền tải thông tin?

A. Từ ngữ biểu cảm, giàu hình ảnh để khơi gợi cảm xúc của người đọc

B. Các từ đồng nghĩa và gần nghĩa để làm phong phú, đa dạng hóa cách diễn đạt

C. Hệ thống thuật ngữ chuyên ngành và các từ ngữ mang tính khái quát

D. Từ Hán Việt mang tính trang trọng, cổ kính

Câu 15: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm mùi vị cháo?

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: Có ai nấu cho mà ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay đàn bà.

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Chi tiết "bát cháo hành" trong đoạn trích có ý nghĩa gì?

A. Tình yêu thương, sự săn sóc đầu tiên mà Chí Phèo nhận được, khơi dậy nhân tính đã bị vùi lấp trong hắn.

B. Biểu tượng cho lòng tốt hiếm hoi của Bá Kiến, thể hiện sự ban ơn và cứu vớt cho Chí Phèo.

C. Là chi tiết nghệ thuật tô đậm sự cô độc, nghèo khó và cái đói triền miên trong cuộc đời Chí Phèo

D. Là món ăn dân dã, giúp Chí Phèo hồi phục sức khỏe sau một cơn ốm nặng, không có ý nghĩa sâu xa.

Câu 16: Câu văn dưới đây mắc lỗi gì?

"Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.**"**

A. Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

B. Lỗi dùng từ sai phong cách

C. Lỗi lặp từ.

D. Lỗi trật tự từ.

Câu 17: Tổ hợp từ nào dưới đây KHÔNG phải là tục ngữ?

A. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.

B. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

C. Ếch ngồi đáy giếng.

D. Tấc đất, tấc vàng.

Câu 18: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích dưới đây:

"Chèo cổ (Chèo sân đình) là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hòa nhiều chủ liệu: dân ca, múa dân gian và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bắc Bắc Bộ. Chèo được xem là một hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làn phương tiện giao lưu với công chúng (không có người kể chuyện như trong truyện). Cũng như kịch nói chung, kịch bản chèo tập trung thể hiện hành động, dẫn dắt xung đột qua ngôn ngữ của nhân vật."

A. Tự sự. **B.** Miêu tả. **C.** Thuyết minh. **D.** Nghị luận.

Câu 19: Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

"...Những dữ liệu tổng hợp từ các sản phẩm mậu dịch, sử kí, văn chương, báo cáo hành chính... đủ giúp chúng ta liên tưởng đến việc người dân khắp vùng nội địa đã tham gia vào hoạt động thương mại hóa như thế nào. Nhiều người trong vùng lân cận của Hội An đã tham gia toàn bộ thời gian của họ vào hoạt động sản xuất, chuyển vận và mậu dịch này. Một bộ phận cư dân địa phương chỉ tham gia vào nền kinh tế thương mại một khoảng thời gian nào đó trong năm, phục vụ cho mục đích lao động "kiếm sống" rất rõ ràng của họ. Nhưng vai trò của không chỉ mang tính chất ngoại vi mà có đủ các dữ liệu hiện hữu để phác thảo một tác

phẩm hoàn hảo về các "**thành phần**" ít được chú ý này. Có thể thấy rằng, Hội An không thể hoạt động mà không có sự hiện diện và tham gia của họ, cũng như các dịch vụ và sản phẩm mà họ đã cung cấp."

Từ "thành phần" (in đậm) trong đoạn trích trên chỉ đối tượng nào dưới đây?

A. Một số người sống ở Hội An

B. Một số người ở vùng lân cận Hội An

C. Một số người dân địa phương khác

D. Các cư dân tham gia nền kinh tế

Câu 20: Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Anh Thơ, *Chiều xuân*, Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Bút pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ trên?

A. Tả cảnh ngụ tình

B. Lấy động tả tĩnh

C. Lấy thanh tả sắc

D. Lấy điểm tả diện

Câu 21: Văn bản trên được viết theo thể thơ:

A. Tám chữ. **B.** Lục bát **C.** Bảy chữ **D.** Tự do

Câu 22: Nội dung chính của văn bản là gì?

A. Vẻ đẹp và nỗi niềm của các liền chị quan họ trong ngày hội Lim.

B. Vẻ đẹp và tài năng của các liền chị quan họ trong ngày hội Lim.

C. Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả về liền chị quan họ trong ngày hội Lim.

D. Sự băn khoăn, khó hiểu của tác giả về các liền chị quan họ trong ngày hội Lim

Câu 23: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu *Hát đắm say cho đứt ruột gan người*

A. Ẩn dụ. **B.** So sánh. **C.** Nói quá **D.** Hoán dụ.

Câu 24: Tâm trạng chẳng vô tư được nhân vật em thể hiện bằng cách nào?

A. Không thể hiện trực tiếp.

B. Mượn lời bài hát để thể hiện.

C. Mượn giai điệu bài hát để thể hiện.

D. Mượn động tác lấy nón quai thao thẹn thùng che má để thể hiện.

Câu 25: Nhân vật tôi đã thể hiện cảm xúc gì dành cho nhân vật em?

A. Đồng cảm, thương hại.

B. Đồng hành, thương xót.

C. Chia sẻ, đồng hành.

D. Đồng cảm, xót thương.

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 26 đến câu 30

Qua đó chúng ta nhận thấy rằng các làng trong thành phố đều trải qua ba giai đoạn chính trong quá trình phát triển. Trong giai đoạn đầu, các gia đình rời nông thôn ra thành phố vào những thời điểm khác nhau. Họ làm quen dần với cuộc sống mới, hoàn toàn không đơn giản với việc duy trì công việc quen thuộc của họ. Làng quê cũ vẫn là chuẩn mực để họ noi theo, nhưng cuộc sống tự do chốn thị thành khiến họ xa dần những lễ nghi tôn giáo. Trong giai đoạn tiếp theo, nhiều người khác di cư ra thành phố. Đất đai ngày càng trở nên khan hiếm, những người di cư phải tạo ra một hệ thống kinh tế phù hợp với cảnh ***"một chốn hai quê"*** *của họ. Các ngành nghề mang tính chuyên môn hóa và dân di cư chọn thờ những vị thần phù hợp hơn với cuộc sống mới. Trong giai đoạn này những người đầu tiên ra thành phố vẫn giữ vị trí quan trọng về số lượng và uy tín, nhưng họ cũng phải nhượng bộ những người mới đến, bởi họ thường xuyên phải làm việc và va chạm hằng ngày với nhau. Giai đoạn cuối cùng của quá trình hội nhập là các cộng đồng dân di cư hòa nhập với nhau, tạo thành một xã hội đô thi thực sự, có nhà ở, tín ngưỡng, luật lệ và phong tục tập quán*

(Philippe Papin (2021), *Lịch sử Hà Nội*, do Mạc Thu Hương (dịch)

Trả lời cho các câu 26, 27, 28, 29, 30 dưới đây:

Câu 26: Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Sự khó khăn của tầng lớp nông dân khi hội nhập vào cuộc sống ở thành phố

B. Những giai đoạn trong quá trình phát triển các làng trong thành phố

C. Những thay đổi trong mỗi giai đoạn vận động phát triển các làng trong thành phố

D. Mối liên hệ giữa quá trình di dân và diện tích đất đai phục vụ công việc canh tác

Câu 27: Mục đích chính của tác giả đoạn trích này là gì?

A. Cung cấp thông tin về các làng trong thành phố

B. So sánh làng mạc trong xã hội xưa và làng trong thành phố thuộc xã hội hiện đại

C. Đề nghị khôi phục vẻ đẹp của các ngôi làng xưa

D. Giới thiệu về sự thay đổi diện mạo của các làng trong thành phố

Câu 28: Cụm từ "một chốn hai quê" (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích được hiểu là

A. Chỉ cảnh gia đình phải sống chia ra hai ba nơi nhưng vẫn luôn hướng về quê hương

B. Chỉ cảnh gia đình phải sống phân tán ở nhiều nơi, thường phải đi lại vất vả.

C. Chỉ cảnh gia đình phải sống vài nơi, không chỉ cố định ở một chỗ

D. Chỉ cảnh gia đình sống tập trung ở một chỗ nhưng lao động sản xuất ở nhiều nơi

Câu 29: Theo đoạn trích, đặc điểm của mỗi giai đoạn chính trong quá trình phát triển các làng trong thành phố lần lượt là gì?

A. Giai đoạn đầu – làm quen với cuộc sống mới; Giai đoạn tiếp theo – tạo ra một hệ thống kinh tế phù hợp; Giai đoạn cuối cùng – hòa nhập vào cuộc sống thị dân

B. Giai đoạn đầu – chuẩn bị tư liệu sản xuất; Giai đoạn tiếp theo – di dân ra thành phố; Giai đoạn cuối cùng – lao động sản xuất tạo ra của cải

C. Giai đoạn đầu – di cư ra thành phố; Giai đoạn tiếp theo – lao động sản xuất; Giai đoạn cuối cùng – hội nhập vào nền kinh tế đô thị

D. Giai đoạn đầu – kiếm kế sinh nhai trong môi trường mới; Giai đoạn tiếp theo – làm ăn sinh sống; Giai đoạn cuối cùng – quay trở về quê hương

Câu 30: Bài học sâu sắc nhất rút ra từ đoạn trích là gì?

A. Đất đai và tài nguyên là yếu tố quan trọng nhất quyết định quá trình phát triển của một cộng đồng dân cư.

B. Hội nhập xã hội là quá trình lâu dài, phức tạp, đòi hỏi sự thay đổi, điều chỉnh và tương tác liên tục giữa các nhóm người

C. Người di cư cần phải từ bỏ hoàn toàn các giá trị và chuẩn mực truyền thống để thích nghi nhanh chóng với môi trường đô thị.

D. Sự khác biệt về văn hóa và tín ngưỡng giữa người cũ và người mới luôn là rào cản không thể vượt qua trong xã hội đô thị